

- Auid-Orcid, Vasil'ev Y. Auid-Orcid, Kapitonova M. Auid-Orcid. A New Complex Minimally Invasive Thread Lift Method for One-Time Three-Step Fixation of the Face and Neck Soft Tissues. Archives of Plastic Surgery. 2022;49(2234-6163 (Print)):296 - 303.
9. Y. Myung, Jung C. Mini-midface Lift Using Polydioxanone Cog Threads. Plast Reconstr Surg Glob Open. 2020;24(8(6)):e2920.
10. Telma Cerbino Cintra Lots. Effect of pdo facelift threads on facial skin tissues: An ultrasonographic analysis. Journal of Cosmetic Dermatology. 2023/09/01 2023;22(9):2534-2541. doi:https://doi.org/10.1111/jocd.15761

ĐẶC ĐIỂM ĐỀ KHÁNG KHÁNG SINH CỦA VI KHUẨN STAPHYLOCOCCUS AUREUS PHÂN LẬP TỪ BỆNH NHÂN NHIỄM TRÙNG HUYẾT TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ CẦN THƠ, NĂM 2020-2024

Trần Thị Xuân Hoa¹, Đỗ Thành Trí², Nguyễn Hồng Hà³,
Phạm Thị Ngọc Nga³, Nguyễn Công Tâm^{4*}

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Staphylococcus aureus là nguyên nhân nhiễm trùng thường gặp nhất tại bệnh viện, đặc biệt ở bệnh nhân nhiễm trùng huyết với tỷ lệ đề kháng kháng sinh mạnh. **Mục tiêu:** Xác định tỷ lệ và mức độ đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Staphylococcus aureus phân lập từ bệnh nhân nhiễm trùng huyết. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 928 mẫu nuôi cấy bệnh phẩm phân lập được chủng vi khuẩn Staphylococcus aureus. Thực hiện xét nghiệm kháng sinh đồ tự động để xác định sự đề kháng kháng sinh của các chủng vi khuẩn. **Kết quả:** Tỷ lệ Staphylococcus aureus kháng Methicillin (MRSA) trong 928 chủng Staphylococcus aureus là 59,1%. MRSA có tỷ lệ kháng cao hơn đáng kể với Benzylpenicillin, Gentamycin, Ciprofloxacin, Levofloxacin, Erythromycin, Clindamycin ($p < 0,05$), trong khi Vancomycin vẫn duy trì hiệu quả hoàn toàn với nhóm nhạy cảm Methicillin (MSSA) và nhóm MRSA. **Kết luận:** Tỷ lệ MRSA chiếm ưu thế và có xu hướng đa kháng hơn MSSA. Một số kháng sinh như Vancomycin, Linezolid vẫn giữ hiệu quả cao trong điều trị. **Từ khóa:** Staphylococcus aureus, MRSA, đề kháng kháng sinh

SUMMARY

ANTIBIOTIC RESISTANCE PROFILE OF STAPHYLOCOCCUS AUREUS ISOLATED FROM PATIENTS WITH SEPSIS AT CAN THO GENERAL HOSPITAL, 2020-2024

Background: Staphylococcus aureus is the most common cause of hospital-acquired infections, particularly in patients with sepsis, and is

characterized by a high rate of antimicrobial resistance. **Objective:** To determine the prevalence and antimicrobial resistance profile of Staphylococcus aureus isolated from patients with sepsis. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 928 clinical isolates of Staphylococcus aureus. Antimicrobial susceptibility testing was performed using an automated system to evaluate resistance patterns. **Results:** The prevalence of Methicillin-resistant Staphylococcus aureus (MRSA) among 928 Staphylococcus aureus isolates was 59.1%. MRSA showed significantly higher resistance rates to Benzylpenicillin, Gentamicin, Ciprofloxacin, Levofloxacin, Erythromycin, and Clindamycin ($p < 0.05$), whereas Vancomycin remained fully effective against both Methicillin-susceptible Staphylococcus aureus (MSSA) and MRSA. **Conclusions:** MRSA accounted for the majority of isolates and demonstrated a higher tendency toward multidrug resistance compared with MSSA. Certain antibiotics such as Vancomycin and Linezolid retained high efficacy in treatment. **Keywords:** Staphylococcus aureus, MRSA, antimicrobial resistance

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiễm trùng huyết là tình trạng nhiễm trùng nhiễm độc toàn thân nặng với nguy cơ tử vong cao do sốc và suy đa cơ quan do vi khuẩn xâm nhập vào hệ thống tuần hoàn. Trong đó, vi khuẩn Staphylococcus aureus được ghi nhận là tác nhân hàng đầu gây nhiễm trùng huyết. Vào cuối năm 1950, methicillin được đưa vào sử dụng trong điều trị những trường hợp Staphylococcus aureus kháng penicillin. Đến năm 1961, tại Anh đã phân lập được chủng vi khuẩn Staphylococcus aureus đầu tiên kháng methicillin (MRSA) [1]. Ngày nay, tỷ lệ nhiễm MRSA ngày càng gia tăng, đặc biệt ở bệnh nhân nhiễm trùng huyết. Việc lựa chọn kháng sinh theo kinh nghiệm không phù hợp, sử dụng kháng sinh phổ rộng không cần thiết và thời gian điều trị kéo dài góp phần làm tăng tỷ lệ vi khuẩn kháng kháng sinh hiện nay. Bệnh viện Đa khoa Thành phố

¹Bệnh viện Chợ rẫy

²Bệnh viện Thống Nhất

³Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

⁴Bệnh viện Đa Khoa Ninh Thuận

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Công Tâm

Email: drcong tampr2011@gmail.com

Ngày nhận bài: 23.6.2025

Ngày phản biện khoa học: 24.7.2025

Ngày duyệt bài: 28.8.2025

Cần Thơ với số lượng bệnh nhân đến khám và điều trị ngày càng gia tăng, cùng với tình trạng nhiễm và đề kháng kháng sinh vi khuẩn *Staphylococcus aureus* ngày càng gia tăng làm giảm hiệu quả điều trị và kéo dài thời gian nằm viện. Việc cập nhật tình hình và đặc điểm đề kháng kháng sinh của vi khuẩn *Staphylococcus aureus* nhằm cung cấp thông tin hữu ích, giúp bác sĩ lâm sàng lựa chọn kháng sinh điều trị hiệu quả. Vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu "Đặc điểm đề kháng kháng sinh của vi khuẩn *Staphylococcus aureus* phân lập từ bệnh nhân nhiễm trùng huyết tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ, năm 2020-2024" với mục tiêu khảo sát định tỷ lệ và mức độ đề kháng kháng sinh của vi khuẩn *Staphylococcus aureus* phân lập từ bệnh nhân nhiễm trùng huyết.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Các chủng vi khuẩn *Staphylococcus aureus* được phân lập tại Khoa Xét nghiệm Vi sinh của Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ trên mẫu bệnh phẩm ở bệnh nhân nhiễm trùng huyết được chẩn đoán.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Các chủng *Staphylococcus aureus* trên bệnh nhân nhiễm trùng huyết được định danh tại khoa Xét nghiệm Vi sinh tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ đã được kiểm chứng và thực hiện đầy đủ các xét nghiệm định danh để phân lập chính xác vi khuẩn.

Tiêu chuẩn loại trừ: Các chủng vi khuẩn *Staphylococcus aureus* không đủ các thông tin cần thiết chi nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả

Bảng 1. Tỷ lệ đề kháng kháng sinh chung của *Staphylococcus aureus*

Kháng sinh	Mức độ n(%)			Tổng n (%)
	Nhạy	Trung gian	Kháng	
Oxacillin	90 (9,7)	42 (4,5)	796 (85,8)	928 (100)
Benzylpenicillin	48 (5,2)	1 (0,1)	879 (94,7)	928 (100)
Vancomycin	918 (98,9)	0 (0)	10 (1,1)	928 (100)
Gentamicin	452 (48,7)	47 (5,1)	429 (46,2)	928 (100)
Ciprofloxacin	415 (44,5)	144 (15,5)	369 (39,8)	928 (100)
Levofloxacin	419 (45,2)	151 (16,3)	358 (38,6)	928 (100)
Erythromycin	192 (20,7)	145 (15,6)	591 (63,7)	928 (100)
Clindamycin	309 (33,3)	8 (0,9)	611 (65,8)	928 (100)
Tetracycline	353 (38,0)	129 (13,9)	446 (48,1)	928 (100)
Tigecycline	421 (45,4)	0 (0)	507 (54,6)	928 (100)
Linezolid	596 (64,2)	5 (0,5)	327 (35,2)	928 (100)

Nhận xét: Tỷ lệ kháng cao được ghi nhận đối với Oxacillin (85,8%), Benzylpenicillin (94,7%), Erythromycin (63,7%), Clindamycin (65,8%), Gentamycin (48,7%) và Tetracycline (48,1%); trong khi đó Vancomycin (98,9%), Linezolid (64,2%) duy trì tỷ lệ nhạy cao hơn, còn nhóm fluoroquinolone (Ciprofloxacin 44,5%, Levofloxacin 45,2%) có tỷ lệ nhạy ở mức trung bình.

- Tỷ lệ đề kháng kháng sinh của *Staphylococcus aureus* giai đoạn 2020-2024

cắt ngang có phân tích.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: 928 mẫu nuôi cấy bệnh phẩm phân lập được chủng vi khuẩn *Staphylococcus aureus*.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện, thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu và không thuộc tiêu chuẩn loại trừ.

Nội dung nghiên cứu:

- Đặc điểm chung của bệnh nhân có chủng vi khuẩn *Staphylococcus aureus* được phân lập.

- Tỷ lệ và mức độ đề kháng kháng sinh của vi khuẩn *Staphylococcus aureus*

+ Tỷ lệ đề kháng kháng sinh của *Staphylococcus aureus*

+ Tỷ lệ và mức độ đề kháng kháng sinh của hai nhóm vi khuẩn *Staphylococcus aureus* kháng Methicillin (MRSA) và nhạy cảm Methicillin (MSSA).

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:

Số liệu được nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập bằng phiếu thu thập thông tin. Kết quả được xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 20.0

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm bệnh nhân có chủng vi khuẩn *Staphylococcus aureus* được phân lập

Trong 928 bệnh nhân nghiên cứu: - Nữ giới chiếm 56,8% và nam giới chiếm 43,2%.

- Nhóm tuổi 40-60 chiếm tỷ lệ cao nhất với 46,3%, tiếp theo là nhóm ≥ 60 tuổi 37,8% và thấp nhất là nhóm < 40 tuổi 15,8%.

- Tiền sử bệnh lý nền: đái tháo đường (75,3%), bệnh thận mạn (66,0%), ung thư (0,9%) và bệnh lý khác (7,5%).

3.2. Tỷ lệ đề kháng kháng sinh chung của *Staphylococcus aureus*

- Tỷ lệ đề kháng kháng sinh chung

Bảng 2. Tỷ lệ đề kháng kháng sinh của *Staphylococcus aureus* giai đoạn 2020-2024

Kháng sinh	Phân bố theo năm, (%)					p
	2020 n = 361	2021 n = 150	2022 n = 185	2023 n = 115	2024 n = 117	
Oxacillin	95,0	98,7	78,4	65,2	72,6	<0,001
Benzylpenicillin	99,7	100	91,4	87,0	85,5	<0,001
Vancomycin	1,9	2,0	0,0	0,0	0,0	0,083
Gentamicin	57,5	47,3	32,4	37,4	40,2	<0,001
Ciprofloxacin	47,1	44,0	30,8	33,9	31,6	<0,001
Levofloxacin	47,4	44,0	28,6	24,3	34,2	<0,001
Erythromycin	88,9	89,3	30,8	31,3	36,8	<0,001
Clindamycin	86,1	87,3	45,4	37,4	35,9	<0,001
Tetracycline	59,3	57,3	35,7	37,4	31,6	<0,001
Tigecycline	46,5	51,3	63,8	61,7	62,4	<0,001
Linezolid	30,2	32,7	45,4	37,4	35,9	<0,001

Nhận xét: Trong giai đoạn 2020-2024, tỷ lệ kháng giảm rõ ở Oxacillin, Benzylpenicillin, Erythromycin, Clindamycin, Gentamicin, Tetracycline, Fluoroquinolone; ngược lại, Tigecycline và Linezolid xuất hiện kháng ở mức 30,2 đến 62,4%, trong khi Vancomycin duy trì kháng rất thấp (<2%).

- **Tỷ lệ *Staphylococcus aureus* kháng Methicillin (MRSA) và nhạy cảm Methicillin (MSSA)**

Bảng 3. *Staphylococcus aureus* kháng**Bảng 4. Mức độ kháng kháng sinh của hai nhóm MRSA và MSSA**

Kháng sinh	MSSA (n=380)			MRSA (n=548)			p
	S (%)	I (%)	R (%)	S (%)	I (%)	R (%)	
Oxacillin	11,3	5,5	83,2	8,6	3,8	87,6	0,159
Benzylpenicillin	12,6	0,1	87,1	0,0	0,0	100	<0,001
Vancomycin	100	0	0	100	0	0	-
Gentamicin	52,8	6,6	40,6	46,0	5,1	46,2	0,009
Ciprofloxacin	44,5	21,1	34,5	44,9	11,7	43,4	<0,001
Levofloxacin	45,5	20,8	33,7	44,9	13,1	42,0	0,002
Erythromycin	24,2	19,2	56,6	18,2	13,1	68,6	0,001
Clindamycin	39,5	1,1	59,4	29,0	0	70,3	0,003*
Tetracycline	37,1	16,8	46,1	38,7	11,9	49,5	0,096
Tigecycline	42,9	0	57,1	47,1	0	52,9	0,208
Linezolid	60,0	1,1	38,9	67,2	0,2	32,7	0,024

*Fisher's Exact Test

Nhận xét: MRSA có tỷ lệ kháng cao hơn đáng kể với Benzylpenicillin, Ciprofloxacin, Levofloxacin, Erythromycin, Gentamicin, Clindamycin ($p < 0,05$), trong khi Vancomycin vẫn duy trì hiệu quả hoàn toàn với MSSA và MRSA; Linezolid vẫn còn hiệu lực cao ở cả hai nhóm.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm bệnh nhân có chủng vi khuẩn *Staphylococcus aureus* được phân lập. Nghiên cứu thực hiện trên 928 bệnh nhân nhiễm trùng huyết do vi khuẩn *Staphylococcus aureus*, tỷ lệ nam và nữ không có sự chênh lệch

Methicillin (MRSA) và nhạy cảm Methicillin (MSSA)

<i>Staphylococcus aureus</i>	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Nhạy cảm Methicillin (MSSA)	380	40,9
Kháng Methicillin (MRSA)	548	59,1
Tổng	928	100

Nhận xét: Trong tổng số 928 chủng *Staphylococcus aureus*, tỷ lệ MSSA chiếm 40,9% và MRSA chiếm 59,1%.

- **Mức độ kháng kháng sinh của hai nhóm MRSA và MSSA**

lớn. Kết quả tương đồng với nghiên cứu của Quế Anh Trâm trên bệnh nhân nhiễm trùng huyết do *Staphylococcus aureus* [2], điều này cho thấy giới tính không phải là yếu tố nguy cơ nổi bật trong nhiễm trùng do tác nhân *Staphylococcus aureus*. Bệnh nhân trong nghiên cứu có độ tuổi 40-60 chiếm tỷ lệ cao nhất và tiếp theo là nhóm > 60 tuổi. Nghiên cứu của tác giả Đỗ Văn Đồng, nhóm bệnh nhân nhiễm trùng do tác nhân *Staphylococcus aureus* ở bệnh nhân ≥ 60 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất, khác biệt so với nghiên cứu của chúng tôi, điều này cho thấy sự phân bố độ tuổi thay đổi theo dịch tễ, khu vực, đặc điểm dân

cư và tình trạng cơ sở y tế [3]. Đồng thời, phản ánh xu hướng trẻ hóa ở nhóm bệnh nhân nhiễm *Staphylococcus aureus*. Đái tháo đường và bệnh thận mạn là hai bệnh lý nền được ghi nhận chiếm tỷ lệ cao nhất trong nghiên cứu của chúng tôi. Ngoài ra, nghiên cứu của chúng tôi cũng ghi nhận ung thư là bệnh lý nền có liên quan đến tình trạng nhiễm trùng do *Staphylococcus aureus*. Đây là các bệnh lý có mối liên quan chặt chẽ đến tình trạng nhiễm trùng do sự suy giảm hệ thống miễn dịch, đặc biệt là miễn dịch tế bào và chức năng thực bào. Sự suy yếu hệ thống bảo vệ được xác định là yếu tố thuận lợi cho sự xâm nhập của các vi khuẩn, đặc biệt là *Staphylococcus aureus* [4].

4.2. Tình trạng đề kháng kháng sinh của vi khuẩn *Staphylococcus aureus*. Từ năm 2020-2024, dựa trên kết quả kháng sinh đồ vi khuẩn *Staphylococcus aureus*, chúng tôi ghi nhận Benzylpenicillin, Oxacillin, Gentamycin, Clindamycin và Erythromycin là các kháng sinh đề có tỷ lệ đề kháng cao > 50%. Ngược lại, Vancomycin, Linezolid là các kháng sinh nhạy có tỷ lệ nhạy cảm cao. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với một số nghiên cứu về đánh giá tình trạng đề kháng kháng sinh của vi khuẩn *Staphylococcus aureus* tại Việt Nam như Đỗ Văn Đồng và Lê Văn Nam [3], [5]. Tuy nhiên, trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ nhạy cảm với Vancomycin vẫn duy trì ở mức cao, đồng thời ghi nhận sự gia tăng đáng kể tỷ lệ đề kháng với Tigecycline và Linezolid. Điều này cho thấy sự thay đổi trong mô hình kháng thuốc của *Staphylococcus aureus* theo thời gian, đặt ra thách thức trong việc lựa chọn kháng sinh điều trị hiệu quả. Sự gia tăng đề kháng với Tigecycline và Linezolid có thể phản ánh áp lực chọn lọc do lạm dụng hoặc sử dụng kháng sinh không hợp lý trong điều trị thực tế. Do đó, việc tăng cường giám sát kháng thuốc định kỳ và điều chỉnh phác đồ điều trị dựa trên dữ liệu kháng sinh đồ là cần thiết nhằm đảm bảo hiệu quả điều trị và hạn chế tình trạng kháng thuốc lan rộng.

Chúng tôi tiến hành phân tích cụ thể tình trạng đề kháng kháng sinh của *Staphylococcus aureus* cụ thể từng năm từ năm 2020-2024 cho thấy một số kháng sinh như Benzylpenicillin, Oxacillin, Gentamycin, Clindamycin, Erythromycin và Tetracycline có tình trạng đề kháng cao trong năm 2020-2021 và có xu hướng giảm dần qua các năm sau. Một số kháng sinh thế hệ mới được dùng trong điều trị nhiễm trùng nặng như Vancomycin và Linezolid cho thấy tỷ lệ nhạy cảm cao và ổn định trong toàn bộ thời gian thực hiện nghiên cứu. Ngoài ra, nhóm Fluoroquinolon như

Ciprofloxacin và Levofloxacin có tỷ lệ đề kháng giảm dần theo thời gian, nhưng vẫn còn ở mức đáng kể (> 30%) vào năm 2024. Dựa trên kết quả nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy sự biến động về tỷ lệ đề kháng giữa các năm là có ý nghĩa thống kê đối với hầu hết các kháng sinh, phản ánh sự thay đổi trong đặc điểm vi sinh, lâm sàng cũng như thực hành sử dụng kháng sinh. Xu hướng chung cho thấy một số kháng sinh cổ điển đang mất dần hiệu quả do tỷ lệ đề kháng cao, tuy nhiên một số kháng sinh vẫn còn hiệu quả (Vancomycin, Gentamycin).

Trong tổng số 928 chủng *Staphylococcus aureus* phân lập được năm 2020-2024, có 548 chủng (59,1%) kháng Methicillin (MRSA) và 380 chủng (40,9%) nhạy Methicillin (MSSA). Tỷ lệ MRSA chiếm ưu thế so với MSSA, cho thấy sự lưu hành phổ biến của các chủng *Staphylococcus aureus* đề kháng với nhóm beta-lactam, đặc biệt là các kháng sinh phổ biến như Oxacillin và các Cephalosporin thế hệ đầu. Kết quả của chúng tôi tương đồng về tỷ lệ chủng MRSA được phân lập như nghiên cứu của Nguyễn Thị Bé Hai, Vũ Văn Bình tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ qua các năm 2020-2021 và 2022-2023 [6], [7]. Qua đó phản ánh tình trạng lưu hành ổn định ở mức cao của MRSA tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ. Phân tích về mức độ đề kháng kháng sinh giữa hai nhóm MRSA và MSSA cho thấy sự khác biệt rõ rệt về tỷ lệ đề kháng với nhiều loại kháng sinh. Nhìn chung, nhóm MRSA có tỷ lệ đề kháng cao hơn MSSA đối với hầu hết các loại kháng sinh. Cụ thể, Benzylpenicillin, Gentamycin, Erythromycin, Clindamycin, Fluoroquinolon đều có tỷ lệ đề kháng ở chủng MRSA cao hơn MSSA. Ngược lại, Vancomycin có tình trạng nhạy cảm cao ở cả hai chủng. Kết quả của chúng tôi tương đồng với kết quả của Nguyễn Thị Bé Hai, Phan Nữ Đài Trang và Barbara Kot với tình trạng MRSA đa kháng kháng sinh ngày càng gia tăng [7], [8], [9]. Điều này cho thấy MRSA có xu hướng đa kháng hơn MSSA, làm tăng khó khăn trong lựa chọn điều trị, nhấn mạnh vai trò của kháng sinh đồ và giám sát kháng thuốc định kỳ.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 928 mẫu bệnh phẩm phân lập *Staphylococcus aureus* trong giai đoạn từ năm 2020-2024 ghi nhận, *Staphylococcus aureus* có tỷ lệ đề kháng cao với Benzylpenicillin, Oxacillin, Clindamycin và Erythromycin. Tỷ lệ MRSA chiếm ưu thế (59,1%) và có xu hướng đa kháng hơn MSSA. Một số kháng sinh như Vancomycin, Linezolid vẫn giữ hiệu quả cao. Kết

quả cho thấy sự biến động đề kháng theo thời gian, nhấn mạnh vai trò của giám sát kháng thuốc định kỳ và sử dụng kháng sinh hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ito T., Katayama Y., Asada K., Mori N., et al (2001), "Structural comparison of three types of staphylococcal cassette chromosome mec integrated in the chromosome in methicillin-resistant *Staphylococcus aureus*", Antimicrobial agents and chemotherapy, 45 (5), pp. 1323-1336.
2. Quế Anh Trâm, Lê Thị Ngân, Nguyễn Xuân Quảng và cộng sự (2020), "Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, hiệu quả điều trị bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết do *Staphylococcus Aureus* tại Khoa Bệnh Nhiệt đới Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An (2018 - 2019)", Tạp chí Truyền nhiễm Việt Nam, 3 (31), tr. 21-25.
3. Đỗ Văn Đông, Nguyễn Sỹ Thấy, Vũ Việt Sáng (2019), "Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tính kháng kháng sinh ở bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết do *Staphylococcus aureus* điều trị tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 từ năm 2016 đến năm 2018", Journal of 108 - Clinical Medicine and Pharmacy, 14 (4), tr. 146-152.
4. Tong S. Y., Davis J. S., et al (2015), "Staphylococcus aureus infections: epidemiology, pathophysiology, clinical manifestations, and management", Clinical microbiology reviews, 28 (3), pp. 603-661.
5. Lê Văn Nam (2018), "Nghiên cứu tính kháng kháng sinh, gen kháng thuốc của *S.aureus*, *E.coli* và mối liên quan với đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết", Luận văn Tiến sĩ Y học, Học viện Quân y.
6. Nguyễn Thị Bé Hai, Hai, Nguyễn Thị Hải Yến (2021), "Xác định tỉ lệ nhiễm và sự đề kháng kháng sinh *Staphylococcus aureus* kháng methicillin được phân lập từ bệnh phẩm tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2020-2021", Tạp chí y dược học Cần Thơ, 39, tr. 172-178.
7. Vũ Văn Bình, Đỗ Hùng Trần (2023), "Nghiên cứu tình hình kháng kháng sinh và các yếu tố liên quan của *Staphylococcus aureus* được phân lập từ bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ", Tạp chí Y học Việt Nam, 527 (1B), tr. 205-209.
8. Phan Nữ Đài Trang (2016), "Khảo sát tỉ lệ kháng kháng sinh và gen quy định độc tố exfoliative toxins của các chủng *Staphylococcus aureus* phân lập tại Viện Pasteur TP. HCM", Tạp chí phát triển khoa học & công nghệ, 19 (T3), tr. 15-22.
9. Barbara Kot (2019), "Antimicrobial Resistance Patterns in Methicillin-Resistant *Staphylococcus aureus* from Patients Hospitalized during 2015–2017 in Hospitals in Poland", Medical Principles and Practice, pp. 61-68.

ĐẶC ĐIỂM NỘI SOI, CẮT LỚP VI TÍNH VÀ GIẢI PHẪU BỆNH CỦA U DƯỚI NIÊM MẠC THỰC QUẢN VÀ DẠ DÀY

La Vĩnh Phúc¹, Phạm Văn Linh², Võ Huỳnh Trang¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm nội soi, cắt lớp vi tính và giải phẫu bệnh của u dưới niêm mạc thực quản và dạ dày. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu tiền cứu và hồi cứu được thực hiện trên 69 bệnh nhân có u dưới niêm mạc đường kính dưới 3 cm, chẩn đoán qua nội soi ống mềm tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 10/2022 đến tháng 2/2025. **Kết quả:** Vị trí u thường gặp nhất ở hang vị (31,9%), thân vị (27,5%) và thực quản (26,1%). Kích thước trung bình qua nội soi là $14,04 \pm 6,35$ mm, 100% u có bề mặt trơn láng và 40,6% u có tính di động. Qua cắt lớp vi tính, 40,6% trường hợp không tìm thấy u; ở các ca phát hiện được, kích thước trung bình là $14,59 \pm 6,20$ mm, 61,0% có mạch máu cạnh u và chỉ 2,4% tăng trưởng ra ngoài ống tiêu hóa. Về giải phẫu bệnh, u cơ trơn chiếm tỷ lệ cao nhất (42,0%), tiếp theo là

mô tụy lạc chỗ (15,9%) và u mô đệm đường tiêu hóa (10,1%). **Kết luận:** Kết quả cung cấp dữ liệu về hình ảnh học và mô bệnh học, hỗ trợ chẩn đoán và quản lý bệnh lý này tại Việt Nam. **Từ khóa:** U dưới niêm mạc, thực quản, dạ dày, nội soi.

SUMMARY

ENDOSCOPIC, COMPUTED TOMOGRAPHY, AND HISTOPATHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF SUBMUCOSAL TUMORS OF THE ESOPHAGUS AND STOMACH

Objective: To describe the endoscopic, computed tomography, and histopathological characteristics of submucosal tumors of the esophagus and stomach. **Methods:** A prospective and retrospective study was conducted on 69 patients with submucosal tumors less than 3 cm in diameter, diagnosed via flexible endoscopy at Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital from October 2022 to February 2025. **Results:** Tumors were most frequently located in the antrum (31.9%), gastric body (27.5%), and esophagus (26.1%). The mean size on endoscopy was 14.04 ± 6.35 mm, with 100% of tumors having a smooth surface and 40.6% being mobile. On CT, tumors were not found in 40.6% of cases; in detected cases, the mean size was 14.59

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

²Trường Đại học Quốc Tế Hồng Bàng

Chịu trách nhiệm chính: Võ Huỳnh Trang

Email: vhttrang@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 24.6.2025

Ngày phản biện khoa học: 24.7.2025

Ngày duyệt bài: 27.8.2025